TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Phước

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Hiền

2. Ông Hồ Bạch Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Vũ Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm: 1986
Địa chỉ: 3 H, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1969
Địa chỉ: Ấp A (nay là ấp A), xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2024 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T trình bày như sau:

Bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K sống chung với nhau từ năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2024. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông K thường xuyên ăn nhậu, không cùng vợ chăm lo cuộc sống gia đình. Nay bà T xác định cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình cảm với ông K, không muốn kéo dài cuộc sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn K.

Bà T xác định bà và ông Trần Văn K không có con chung, tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà Phạm Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Trần Văn K đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến làm việc, Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham dự các phiên toà xét xử nhưng ông K vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và bị đơn có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Văn K đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham dự phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên

đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2024 và có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 19/01/2024 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K thì có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong thời gian chung sống giữa bà T và ông K thực tế có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có sự chia sẽ, trao đổi, quan tâm với nhau, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông K, không thể kéo dài cuộc sống chung và cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông K. Ông K không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà T và cũng không quan tâm đến việc hòa giải, hàn gắn gia đình. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 19/01/2024 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Thanh T và ông Trần Văn K không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không có

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0034885 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND H. Cần Giờ;
- Chi cục THADS H. Cần Giờ;
- UBND xã An Thới Đông, H. Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Phước